| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 5 - HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| **----------** | **----------** |
| Số: **405/2026/QĐST-HNGĐ** | *Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 366/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 04 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn" giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn***: Ông **Phạm Văn T**, sinh năm 1966, HKTT: 19A4, Tổ 6 P, phường L, Hà Nội. Hiện ở tại: Số 1, A4, Tổ 1, phường L, Hà Nội. Căn cước số: 036066000xxx cấp ngày 10/04/2021 Nơi cấp: Cục QLHC về TTXH.

**** Bị đơn***: Bà **Đỗ Thị Thanh L,** sinh năm 1978, HKTT: 6C/640/51/26 NVC, G, phường L, Hà Nội. Hiện ở tại: Số 1, A4, Tổ 1, phường L, Hà Nội. Căn cước công dân: 001178037xxx cấp ngày 10/05/2021 Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 211, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 04 năm 2026;

## XÉT THẤY

Ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị Thanh L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/05/2022 (Giấy chứng nhận kết hôn số 19/2022) tại Ủy ban nhân dân phường P, quận L (nay là phường L), thành phố Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống không hạnh phúc nên anh chị thống nhất thuận tình ly hôn.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của anh chị được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 04 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

***1.*** **Công nhận thuận tình ly hôn giữa:** Ông ***Phạm Văn T*** và bà ***Đỗ Thị Thanh L***

***2.*** **Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

***- Về con chung:*** Hai ông bà không có con chung, nên Toà án không xem xét giải quyết.

***- Về tài sản chung:***

*+ Về tài sản chung là các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình:* Ông bà tự giải

quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp khiếu kiện gì, nên Toà án không xem xét giải quyết.

*+ Về tài sản chung là nhà ở và đất ở:* Ông bà khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp khiếu kiện gì, nên Toà án không xem xét giải quyết.

**- Về công nợ chung**: Ông bà khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp khiếu kiện gì nên Toà án không xem xét giải quyết.

**- Về án phí**: Ông Phạm Văn T tự nguyện chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông đã nộp theo biên lai số 0008476 ngày 08 tháng 04 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Ông Phạm Văn T được hoàn lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí còn thừa.

**4. Hiệu lực của quyết định:** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận***:
*- TAND TP. Hà Nội;*
*- VKSND khu vực 5 – Hà Nội;*
*- THADS TP. Hà Nội;*
*- UBND phường P, quận L (nay là phường L), Hà Nội (Giấy chứng nhận kết hôn số 19/2022 ngày 12/05/2022);*
*- Các đương sự;*
*- Lưu hồ sơ.*

**Thẩm phán**

**Nguyễn Thị Hồng Hạnh**